

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 tháng 11 năm 2021
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông RChâm Đương
2. Ông Ksor Thí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 31-8-2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Thu T; Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn T1; Địa chỉ: Làng M, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn Trương Thị Thu T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Thu T và anh Võ Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2012 và đến ngày 30-11-2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng hay nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, không quan T đến nhau và không còn tiếng nói chung trong các công việc gia đình. Vợ chồng đã không còn chung sống khoảng hơn 02 năm nay, gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không còn khả năng đoàn tụ. Nay chị T thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Võ Văn T1.

- Về con chung: Chị Trương Thị Thu T và anh Võ Văn T1 có 02 con chung là Võ Mỹ K và Võ Mỹ C, đều sinh ngày 15-8-2013. Vợ chồng ly thân, hiện nay cả 02 con đều đang sống cùng chị T. Ly hôn, chị T yêu cầu được giao cả 02 con cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con thành niên và yêu cầu anh Võ Văn T1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/con.

Về chia tài sản chung: Chị Trương Thị Thu T và anh Võ Văn T1 tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Võ Văn T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Võ Văn T1 không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Anh T1 không có hành vi bạo lực gia đình, chỉ vì hay bực tức nói lung tung dẫn đến vợ chồng không hòa thuận, anh T1 hứa sẽ sửa đổi bản thân để lo cho cuộc sống gia đình và nuôi dạy các con.

- Về con chung và chia tài sản chung: Anh Võ Văn T1 không có ý kiến.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 02 Bản sao giấy khai sinh; 01 bản phô tô sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân; 01 Bản tự khai ngày 30-7-2021; 01 Bản tự khai ngày 09-6-2021; 01 Biên bản xác minh ngày 13-8-2021 và 02 biên bản xác minh ngày 29-9-2021; 02 Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 28-7-2021; 01 Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 30-7-2021.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Thu T và anh Võ Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 30-11-2016 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Kla, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng hay nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, không quan T đến nhau và không còn tiếng nói chung trong các công việc gia đình. Vợ chồng đã không còn chung sống khoảng hơn 02 năm nay, gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh T1 có đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không chấp hành nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng anh T1 không có thiện chí hòa giải và mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, không còn quan T, chăm sóc lẫn nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Thu T và anh Võ Văn T1 có 02 con chung là Võ Mỹ K và Võ Mỹ C, đều sinh ngày 15-8-2013. Vợ chồng ly thân, hiện nay cả 02 con đều đang sống cùng chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T yêu cầu giao cả

02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con và anh T1 cũng không có ý kiến gì phản đối nên chấp nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T yêu cầu anh Võ Văn T1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/con là phù hợp với mức sống của trẻ em trong độ tuổi tại địa phương và anh T1 cũng không có ý kiến gì phản đối nên chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Trương Thị Thu T và anh Võ Văn T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Thu T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Võ Văn T1 là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Thu T và anh Võ Văn T1.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Trương Thị Thu T và anh Võ Văn T1 là cháu Võ Mỹ Kim và Võ Mỹ Châu, đều sinh ngày 15-8-2013 cho chị Trương Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh Võ Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Võ Mỹ K và Võ Mỹ C, đều sinh ngày 15-8-2013 với mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/con/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Trương Thị Thu T là người được nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Mỹ K và Võ Mỹ C.

Quyết định về việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Trương Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001294 ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị Trương Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí; Buộc anh Võ Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện G;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính